

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1243/QĐ-ĐHCN ngày 31 tháng 12 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Tên chương trình: **Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh**
Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ**
Ngành đào tạo: **Ngôn ngữ Anh**
Mã số: **8220201**
Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Định hướng đào tạo: **Ứng dụng**

1. Mục tiêu đào tạo

* Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành ngôn ngữ Anh được xây dựng theo định hướng ứng dụng, nhằm đào tạo đội ngũ chuyên môn có kiến thức sâu rộng và tiên tiến về ngôn ngữ học tiếng Anh và các kiến thức khoa học liên quan; am hiểu về ngôn ngữ và văn hóa các nước nói tiếng Anh, đồng thời vận dụng sáng tạo các kiến thức được học vào công việc chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Anh một cách hiệu quả. Học viên sau khi tốt nghiệp có các kỹ năng như kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng công nghệ phù hợp với công tác chuyên môn và nghiên cứu; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh. Học viên tích lũy phẩm chất, trau dồi kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp cần thiết; có khả năng tự định hướng, thích nghi với công việc; có khả năng hướng dẫn, dẫn dắt chuyên môn, đồng thời có khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến chất lượng công việc chuyên môn ngành ngôn ngữ Anh, và có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn.

* Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi tốt nghiệp chương trình ngôn ngữ Anh trình độ Thạc sĩ cần đạt được những mục tiêu cụ thể sau đây:

+ Kiến thức:

- Nắm vững kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, các nguyên lý và học thuyết cơ bản về triết học và ngôn ngữ học;
- Nắm vững phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức dịch thuật nâng cao, kiến thức về thiết kế và phát triển các khoá học tiếng Anh và kiến thức chung về quản trị, quản lý trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh;



+ Kỹ năng:

- Có kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý; kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề chuyên môn; và kỹ năng truyền đạt tri thức liên quan đến ngành ngôn ngữ Anh một cách khoa học;

- Có kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong các hoạt động chuyên môn ngành ngôn ngữ Anh; và trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam;

- Phát triển các phẩm chất, kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp cần thiết để phục vụ học tập, nghiên cứu và các công tác chuyên môn trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh.

+ Thái độ:

- Có phẩm chất đạo đức cá nhân như bản lĩnh, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm, linh hoạt, sáng tạo;

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như đam mê nghiên cứu khám phá kiến thức mới, có trách nhiệm trong công việc và với cộng đồng;

- Có phẩm chất đạo đức xã hội như tôn trọng luật pháp, có tinh thần kỷ luật, có lối sống trong sáng, lành mạnh.

+ Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng tự định hướng, thích nghi và tư vấn phù hợp với môi trường nghề nghiệp thay đổi.

- Đánh giá và tư vấn chuyên sâu về lĩnh vực nghề nghiệp theo chuyên ngành.

- Đánh giá và phản biện thông tin kế toán khoa học, tiên tiến để đưa ra giải pháp hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Tự định hướng và thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi

- Thực hiện tư vấn chuyên sâu trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh nói riêng, và lĩnh vực ngôn ngữ nói chung.

+ Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

Học viên sau khi tốt nghiệp trình độ Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh có thể đảm nhận những vị trí công tác sau đây:

- Nhà khoa học có khả năng hướng dẫn, dẫn dắt chuyên môn ngành ngôn ngữ Anh;

- Chuyên viên các tổ chức giáo dục, viện nghiên cứu trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh;

- Biên dịch viên, phiên dịch viên tiếng Anh ở trình độ nâng cao; chuyên gia đánh giá văn bản dịch;

- Giáo viên tiếng Anh tại các trung tâm ngoại ngữ, trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, giảng viên tiếng Anh tại các học viện, các trường đại học và cao đẳng chuyên và không chuyên ngoại ngữ.

+ Trình độ Ngoại ngữ:

Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

2. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo toàn khóa: 2,0 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ tích lũy: **60 tín chỉ (TC)**

4. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp Đại học, hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ vào Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

6. Thang điểm

Thang điểm chữ theo hệ hống đào tạo tín chỉ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khái quát chương trình

Chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy tập trung, thời gian quy định là 2,0 năm, hoàn thành chương trình trong 04 học kỳ. Thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ, để hoàn thành chương trình học viên có thể kéo dài tối đa 4,0 năm (Bảng 7.1).
Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh được thể hiện chi tiết trong bảng dưới đây:

Bảng 7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Nội dung	Số tín chỉ
1	Phần 1. Kiến thức chung (bắt buộc)	3
	Triết học	3
	Ngoại ngữ*	
2	Phần 2. Kiến thức cơ sở	12
	Phần kiến thức cơ sở bắt buộc	6
	Phần kiến thức cơ sở tự chọn	6
3	Phần 3. Kiến thức chuyên ngành	27
	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	12
	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	15
4	Phần Thực tập và Đề án tốt nghiệp	18
	Thực tập	9
	Đề án tốt nghiệp	9
Tổng		60

7.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Ngôn ngữ Anh được thể hiện trên bảng sau:

Bảng 7.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Ngôn ngữ Anh

STT	Mã học phần		Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần		
					LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐaMH/ TT
1	Phầ n chữ	Phần số	Phần 1. Kiến thức chung	3	3	0	0
	LP	7101.1	Triết học (Philosophy)	3	3	0	0
2			Phần 2. Kiến thức Cơ sở	12	12	0	0
			Bắt buộc	6	6	0	0
	FL	7102.1	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	3	3	0	0
		7103.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific Research Methods)	3	3	0	0
	TcNNA1		Tự chọn nhóm 1 (chọn 2 trong 5 học phần)	6	6	0	0
	FL	7104.1	Tiếng Anh viết khoa học (Scientific Academic Written English)	3	3	0	0
	FL	7105.1	Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	3	3	0	0
	FL	7106.1	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	3	3	0	0
	FL	7107.1	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive linguistics)	3	3	0	0
	FL	7115.1	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	3	3	0	0

STT	Mã học phần		Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần		
					LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐaMH/ TT
3			Phần 3. Kiến thức Chuyên ngành	27	27	0	0
			Bắt buộc	12	12	0	0
	FL	7109.1	Ngữ âm, âm vị học tiếng Anh nâng cao (Advanced English Phonetics and Phonology)	3	3	0	0
	FL	7110.1	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (Advanced English Grammar)	3	3	0	0
	FL	7111.1	Ngữ nghĩa học tiếng Anh (English Semantics)	3	3	0	0
	FL	7112.1	Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (ESP Translation)	3	3	0	0
	TcNNA2		Tự chọn nhóm 2 (Chọn 5 trong 8 học phần)	15	15	0	0
		7113.1	Ngữ dụng học tiếng Anh (English Pragmatics)	3	3	0	0
	FL	7114.1	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	3	3	0	0
	FL	7108.1	Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes)	3	3	0	0
	FL	7116.1	Ngôn ngữ và Giao tiếp liên văn hóa (Language and Intercultural Communication)	3	3	0	0
	FL	7117.1	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Language Teaching Methodology)	3	3	0	0
	FL	7118.1	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language testing and assessment)	3	3	0	0

STT	Mã học phần		Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần		
					LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐaMH/ TT
	FL	7119.1	Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar)	3	3	0	0
	FL	7120.1	Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ (Language Curriculum design)	3	3	0	0
4			Phần 4. Thực tập và Đề án tốt nghiệp	18	0	0	18
	FL	7122.1	Thực tập	9	0	0	9
	FL	7121.1	Đề án tốt nghiệp	9	0	0	9
			Tổng	60	42	0	18

Ghi chú:

(*) Học phần Ngoại ngữ: Học viên tự học có kết quả “Đạt” của kỳ đánh giá năng lực trình độ ngoại ngữ do Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội tổ chức hoặc có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

8. Kế hoạch đào tạo

Bảng 8.1. Kế hoạch đào tạo toàn khóa

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Tổng số TC	Học kỳ			
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV
I	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			3				
1	LP	7101.1	Triết học	3	X			
II	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			12				
2.1	Các học phần cơ sở bắt buộc			6				
1	FL	7103.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	X			
2	FL	7102.1	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	3	X			

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Tổng số TC	Học kỳ			
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV
2.2	Các học phần cơ sở tự chọn (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)			6				
1	FL	7104.1	Tiếng Anh viết khoa học (Scientific Academic Written English)	3	X			
2	FL	7105.1	Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	3	X			
3	FL	7106.1	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	3	X			
4	FL	7107.1	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive linguistics)	3	X			
5	FL	7115.1	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	3	X			
III	PHÂN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			27				
3.1	Các học phần chuyên ngành bắt buộc			12				
1	FL	7109.1	Ngữ âm, âm vị học tiếng Anh nâng cao (Advanced English Phonetics and Phonology)	3		X		
2	FL	7110.1	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (Advanced English Grammar)	3		X		
3	FL	7111.1	Ngữ nghĩa học tiếng Anh (English Semantics)	3		X		
4	FL	7112.1	Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (ESP Translation)	3		X		
3.2	Các học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 15 tín chỉ trong các học phần sau)			15				
1	FL	7113.1	Ngữ dụng học tiếng Anh (English Pragmatics)	3			X	

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Tổng số TC	Học kỳ			
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV
2	FL	7114.1	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	3			X	
3	FL	7108.1	Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes)	3			X	
4	FL	7116.1	Ngôn ngữ và Giao tiếp liên văn hóa (Language and Intercultural Communication)	3			X	
5	FL	7117.1	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Language Teaching Methodology)	3			X	
6	FL	7118.1	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language testing and assessment)	3			X	
7	FL	7119.1	Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar)	3			X	
8	FL	7120.1	Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ (Language Curriculum design)	3			X	
IV	PHẦN THỰC TẬP VÀ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP			18				
1	FL	7122.1	Thực tập	9			X	
2	FL	7121.1	Đề án tốt nghiệp	9				X
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)				60	15	12	24	9

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

❖ Giờ qui đổi được tính như sau:

- 01 Tín chỉ = 15 giờ giảng trên lớp (1 tiết giảng = 50 phút);
- 01 Tín chỉ = 30 giờ thí nghiệm, thực hành;
- 01 Tín chỉ = 45 giờ làm luận văn tốt nghiệp.

Chương trình đào tạo ngành là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo, là quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

Căn cứ chương trình đào tạo ngành, Trưởng Khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ môn tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần theo quy định của Nhà trường sao cho vừa đảm bảo được mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, đáp ứng được nhu cầu của người học và của xã hội. Trên cơ sở đề cương chi tiết học phần, tiến hành xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc phục vụ đào tạo. Trưởng Khoa chuyên môn có trách nhiệm ký, duyệt đề cương chi tiết học phần, xây dựng kế hoạch dạy học, và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra.

❖ Trong quá trình thực hiện chương trình giảng viên cần lưu ý:

- Giảng viên thực hiện trên lớp học lý thuyết cần được trang bị máy chiếu projector, máy tính, nối mạng internet. Khi giảng dạy cần lấy các ví dụ liên hệ thực tiễn minh họa để bài giảng sinh động.

- Trong quá trình thực hiện chương trình, hàng năm nếu Khoa/Bộ môn thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế làm văn bản trình lên Hội đồng khoa học và đào tạo Trường xem xét. Nếu thấy hợp lý, Hội đồng khoa học và đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh và chỉ điều chỉnh khi có quyết định của Hiệu trưởng.


Hà Nội, ngày 5 tháng 12 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(ký tên, ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Trần Đức Quý


TS. Hoàng Ngọc Tuệ